

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200901 - Th y l c ấ Th y v ấ H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040452	36CCĐ2	Nguy n Vi t An	30/05/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	1.5	1.1	2.7	
2	3671040545	36CCĐ2	Tr n Tu n Anh	06/11/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
3	3671040051	36CCĐ1	Nguy n V ấ Công	08/01/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	0	0.0		
4	3671041981	36CCĐ1	Nguy n H u C	20/04/1994				8.0	7.0		7.5	2.3	3.8	2.7	4.9	
5	3671040336	36CCĐ2	Ph m Ph ng C ng	19/10/1994				7.0	6.0		6.5	2.0	1.5	1.1	3.0	
6	3671040422	36CCĐ2	Võ Minh C ng	08/07/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	N HP
7	3671040526	36CCĐ2	Nguy n Qu c C ng	12/05/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
8	3671040546	36CCĐ2	Nguy n Ho ấ Châu	12/06/1994				7.0	7.0		7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
9	3671040622	36CCĐ2	Nguy n ấ nh Chung	02/10/1994				7.0	7.0		7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
10	3471010054	34CCD3	Nguy n T ấ ng Danh	30/09/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
11	3671040118	36CCĐ1	Tr n V ấ Dân	22/07/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	0.5	0.4	1.1	
12	3671040445	36CCĐ2	Nguy n V ấ Đ ấ	16/07/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
13	3671040637	36CCĐ2	Lê Thanh Duy	19/10/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	
14	3671040573	36CCĐ2	Nguy n Xu ấ n D c	05/10/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
15	3671040124	36CCĐ1	Nguy n H ng D ng	18/11/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	3.0	2.1	2.9	
16	3671040574	36CCĐ2	Ph m Minh H ng ấ i	05/09/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
17	3671040572	36CCĐ2	H V ấ ấ t	28/10/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	1.0	0.7	2.3	
18	3671040419	36CCĐ2	Ph m Qu c ấ t	27/05/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
19	3671040512	36CCĐ2	VH ấ i ấ ấ	19/08/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131017200901 - Th y l c ã Th y v ã H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040218	36CCĐ1	Nguy n V ã ã	06/11/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
21	3671040428	36CCĐ2	Nguy n V ã ã i n	25/03/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	1.0	0.7	3.0	
22	3671040388	36CCĐ2	Lê Quang ã »ng	02/01/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
23	3671040055	36CCĐ1	Nguy n Quang ã c	03/12/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	9.5	6.7	8.9	
24	3671040274	36CCĐ1	V H ã c ã c	04/03/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
25	3671040180	36CCĐ1	Ng» V ã Hai	24/01/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
26	3671040080	36CCĐ1	Ph m Trung Hà	04/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671040235	36CCĐ1	B ã i Ng c H i	27/10/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
28	3671040020	36CCĐ1	ñ inh C»ng H u	18/11/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
29	3571010172	35CLC1-CĐ	Nguy n ã c H u	05/10/1991				6.0	6.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
30	3671040230	36CCĐ1	Nguy n H u Hi n	01/06/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	5.5	3.9	4.6	
31	3671040633	36CCĐ2	B ã i Ng c Hi u	28/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3671040501	36CCĐ2	Tr n ã ph Hi u	15/07/1994				0.0	4.0		2.0	0.6	2.8	2.0	2.6	
33	3671040436	36CCĐ2	Võ Minh Hi p	28/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
34	3671042003	36CCĐ1	Nguy n Th Hoan	20/12/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	3671040216	36CCĐ1	L i ã ph Hoàng	22/08/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	0.5	0.4	1.1	
36	3671040531	36CCĐ2	Tr n Thi ² n Hoàng	02/02/1994				6.0	6.0		6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
37	3671040011	36CCĐ1	V H ã t Hoàng	06/04/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	N HP
38	3671040522	36CCĐ2	Tr n Kim H	20/11/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200901 - Th y l c ấ Th y v ấ H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671040027	36CCĐ1	L ng ấ nh	Huy	13/07/1994				8.0	8.0		8.0	2.4	1.3	0.9	3.3	
40	3671040126	36CCĐ1	Mai Th	Huy	25/09/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
41	3471010144	34CCD6	Lê Huy	Hùng	04/04/1991				6.0	6.0		6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
42	3671040371	36CCĐ2	VHMinh	Hùng	18/03/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	
43	3671040332	36CCĐ2	Ph m C»ng	H ng	16/10/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
44	3671040178	36CCĐ1	Nguy n Trung	Kiên	20/10/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	0.5	0.4	2.6	
45	3671040079	36CCĐ1	Tr n V ấ	Kiên	15/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3671041493	37CCD2	B ấ Anh Tu n	Ki t	04/10/1991				0.0	5.0		2.5	0.8	0	0.0		
47	3571010054	36CCĐ2	Nguy n Nh Tu n	Ki t	14/10/1993				0.0	5.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	N HP
48	3671040320	36CCĐ1	Bi n H u	Kha	20/05/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	2.8	2.0	3.9	
49	3671040204	36CCĐ1	T ấ nh	Kha	30/05/1994				7.0	6.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
50	3671040262	36CCĐ1	Lê Duy	Khang	11/01/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
51	3671040086	36CCĐ1	Nguy n Anh	Khang	16/11/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
52	3671040285	36CCĐ1	Tr n Ng» Qu c	Khanh	31/10/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
53	3671042021	37CCD1	Hu nh T n	Lâm	02/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0	0.0		
54	3671040087	36CCĐ1	Tr ng Ho ấ	Lâm	02/09/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	6.8	4.8	7.0	
55	3471010182	34CCD4	VH ấ n Anh	Liêm	16/08/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
56	3671040594	36CCĐ2	Nguy n C»ng	L ng	02/01/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	8.3	5.8	7.8	
57	3671040628	36CCĐ2	Bi n V ấ	L ng	30/10/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131017200901 - Th y l c ã Th y v ã H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671040033	36CCĐ1	L ² V ã	L u	05/07/1994				7.0	6.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
59	3671041954	37CCD1	Ću T n	L c	26/10/1994				0.0	5.0		2.5	0.8	0	0.0		N HP
60	3671040465	36CCĐ1	Nguy n ã c	M nh	15/04/1992				0.0	5.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
61	3471010207	34CLC-CD	Tr nh ã c	M nh	22/09/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0	0.0		N HP
62	3671040482	36CCĐ2	Lê Minh	M n	16/10/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
63	3671040028	36CCĐ1	Nguy n Ng c H i	My	03/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
64	3671040213	36CCĐ1	Hoàng Xuân	Nam	28/10/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	N HP
65	3671040029	36CCĐ1	Nguy n Ng c	Nam	02/07/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
66	3671040580	36CCĐ2	Nguy n V ã	Nam	15/03/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
67	3671041989	36CCĐ2	L u C»ng	Ngh ã	09/01/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
68	3671040680	37CCD1	B ĩ V ã	Nhân	05/06/1994				0.0	4.0		2.0	0.6	0	0.0		
69	3671040568	36CCĐ2	Phan Hi n	Nhân	02/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
70	3671040495	36CCĐ2	Tr n ã c	Nh t	25/10/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	2.0	1.4	3.1	
71	3671040505	36CCĐ2	Hu nh T n	Phát	04/09/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
72	3571010668	35CCĐ1	H Qu c	Ph ng	20/09/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0	0.0		
73	3671042041	36CCĐ2	Tr ng Qu c	Quân	05/05/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	
74	3671040195	37CCD1	Hoàng Thiên	Qu c	12/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0	0.0		
75	3671040170	36CCĐ1	B ĩ H u	Quy n	20/02/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
76	3671041646	36CCĐ2	Nguy n Ng c	Sang	02/01/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200901 - Th y l c ấ Th y v ấ H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3671040282	36CCĐ1	Nguy n Ph m M ấ Shu Shi B ấ	10/08/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
78	3671040012	36CCĐ1	H ấ n T n Sinh	08/10/1991				6.0	7.0		6.5	2.0	4.8	3.4	5.3	
79	3671042032	37CCD1	Nguy n H ng S n	16/10/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0	0.0		
80	3671040366	36CCĐ2	Nguy n Ph ấ t Tài	04/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
81	3671040354	36CCĐ2	Hu nh Ng c Tân	26/04/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	2.3	1.6	3.3	
82	3671040329	36CCĐ2	Tr n T ấ n	23/04/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
83	3671040005	36CCĐ1	L u ấ c To ấ n	22/11/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
84	3671041205	36CCĐ1	Nguy n ấ c Tu n	10/07/1993				0.0	5.0		2.5	0.8	0.5	0.4	1.1	
85	3671040528	36CCĐ2	Nguy n H u T ấ ng	10/12/1993				8.0	5.0		6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	
86	3471010384	34CCD7	Lê Kim Thành Tú	22/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0	0.0		
87	3671040162	36CCĐ1	Lê Thanh Tú	10/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
88	3671041986	36CCĐ1	Lê Minh Thành	20/05/1994				8.0	8.0		8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
89	3671040542	36CCĐ2	Tr n Minh Thành	26/08/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	
90	3671040196	36CCĐ1	Thi V ấ Thi n	20/02/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
91	3671040090	36CCĐ1	Ph m V ấ Thông	05/11/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	6.3	4.4	6.4	N HP
92	3471010323	36CCĐ1	Nguy n Minh Thu n	31/03/1992							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
93	3671040140	36CCĐ1	Nguy n H u Th ng	21/06/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
94	3671040280	36CCĐ1	Nguy n Quang Tr i	10/06/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
95	3671040499	36CCĐ2	L ng Ho ấ ng Ph c Tr ấ n	19/01/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	3.3	2.3	4.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131017200901 - Th y l c ã Th y v ã H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
96	3671040615	36CCĐ2	Nguy n Tr n ã » ng Tri u	01/01/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	N HP
97	3671040455	36CCĐ2	Ho ãg V ã	Tr ãnh	22/02/1993			6.0	5.0		5.5	1.7	7.3	5.1	6.8	
98	3671040434	36CCĐ2	Nguy n ã c	Tr ng	07/04/1994			6.0	5.0		5.5	1.7	2.5	1.8	3.4	
99	3671040147	36CCĐ1	Tr n Quang	Trung	01/06/1993			6.0	7.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
100	3471010356	34CCD4	V ã H u	Trung	04/07/1991			0.0	0.0		0.0	0.0	0	0.0		N HP
101	3671040060	36CCĐ1	Ph m Nh t	Tr ng	26/12/1994			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
102	3671040577	36CCĐ2	Tr n H u	Vinh	16/01/1994			7.0	8.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
103	3671040041	36CCĐ1	Tr ng Nguy n ã c	Vinh	12/07/1993			0.0	5.0		2.5	0.8	1.8	1.3	2.0	
104	3671041645	36CCĐ1	Nguy n Nguy ² n	V ãO	10/05/1994			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
105	3671040647	36CCĐ2	Tr n T n	V ãO	18/08/1994			6.0	7.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	

T ng s : 105 h c sinh sinh v ã²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o V ã²n B M ãn

Gi o V Khoa